

NGUYỄN ĐỨC MINH

MODULE THPT

38

**GIÁO DỤC HOÀ NHẬP
TRONG GIÁO DỤC
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Giáo dục THPT không phải là cấp giáo dục phổ cập ở Việt Nam. Tuy nhiên, do nhu cầu và sự phát triển tất yếu của xã hội, tỉ lệ học sinh sau khi học xong THCS sẽ học tiếp THPT chắc chắn sẽ ngày càng cao. Số học sinh THPT, theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2010 là 2.900.000. Theo nghiên cứu của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam thì trong tổng số học sinh THPT sẽ có khoảng hơn 100.600 em là học sinh có các dạng khuyết tật khác nhau. Khi số lượng học sinh đi học THPT ngày càng tăng thì số học sinh có khuyết tật đi học cũng sẽ tăng.

Giáo dục trong trường THPT có vai trò rất quan trọng trong việc chuẩn bị để học sinh bước vào một giai đoạn mới là tham gia đào tạo nghề nghiệp phù hợp với bản thân và đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Đảm bảo để học sinh có khuyết tật được bình đẳng tham gia giáo dục THPT và chuẩn bị cho các em chủ động chọn lựa các ngành nghề có thể phát huy được mặt mạnh của mình và tìm được chỗ đứng xứng đáng trong xã hội là trách nhiệm của nhà trường, gia đình và cả cộng đồng.

Cho đến nay, hàng năm có hàng trăm học sinh khuyết tật thi đỗ và theo học tại các trường cao đẳng, đại học trên toàn quốc. Tuy nhiên, tỉ lệ học sinh khuyết tật thi đỗ cao đẳng và đại học vẫn còn rất ít nếu so sánh với các bạn không bị khuyết tật. Theo nghiên cứu của các chuyên gia giáo dục đặc biệt, nếu tổ chức giáo dục, dạy học tốt trong môi trường giáo dục thân thiện thì học sinh khuyết tật có thể phát huy tối đa năng lực, khắc phục được những hạn chế và có thể tham gia hoàn toàn bình đẳng với các học sinh cùng tuổi trong mọi hoạt động, kể cả học tập. Bảo đảm cho học sinh khuyết tật THPT bình đẳng về cơ hội trong giáo dục và phát triển để sống tự lập, hòa nhập cộng đồng còn là trách nhiệm của các lực lượng xã hội mà trước hết là của nhà trường và gia đình. Làm thế nào để giúp học sinh khuyết tật đạt được những kết quả mong muốn trong giáo dục THPT là mục tiêu của tài liệu này.

Tài liệu giáo dục hòa nhập trong giáo dục THPT được thiết kế theo module. Module này sẽ cung cấp cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục cấp THPT một số kiến thức, kĩ năng cơ bản về nhận dạng, xác định học sinh có các dạng khuyết tật khác nhau và cách tổ chức giáo dục, dạy

học cũng như tập hợp các lực lượng cộng đồng cùng tham gia giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật. Thông qua những thông tin trong tài liệu này, giáo viên cũng sẽ có nhận thức tốt hơn về các năng lực cũng như nhu cầu cần đáp ứng của trẻ khuyết tật và trách nhiệm của nhà trường, xã hội trong việc bảo đảm các điều kiện cần thiết để học sinh khuyết tật có thể tham gia giáo dục hòa nhập tại địa phương và có thái độ đúng đắn trong giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật. Tài liệu này được thiết kế để giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục cấp THPT có thể tự nghiên cứu và thực hành.

Module gồm các nội dung sau:

TT	Nội dung	Số tiết
1	Học sinh khuyết tật.	2
2	Một số vấn đề cơ bản về giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật.	3
3	Quy trình giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật.	5
4	Dạy học hòa nhập học sinh khuyết tật.	3
5	Tổ chức giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật.	2



B. MỤC TIÊU

Sau khi học xong module này, giáo viên THPT có thể:

Kiến thức:

- Trình bày được khái niệm về học sinh khuyết tật, các tiêu chí cơ bản xác định học sinh khuyết tật và các nguyên nhân gây khuyết tật của học sinh.
- Mô tả các năng lực và nhu cầu của học sinh khuyết tật cấp THPT.
- Nêu lên được các hình thức tổ chức và quy trình giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật.
- Nói về các nội dung, phương pháp giáo dục, dạy học hòa nhập trong trường, lớp thuộc cấp THPT có học sinh khuyết tật, học hòa nhập.

Kĩ năng:

- Nhận biết được học sinh có các dạng khuyết tật khác nhau.
- Xây dựng khung quy trình giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật.
- Tổ chức và quản lí lớp có học sinh khuyết tật, cấp THPT học hòa nhập.

Thái độ:

- Tin tưởng vào khả năng tham gia giáo dục hòa nhập của học sinh khuyết tật.
- Ủng hộ và vận động cộng đồng tham gia hỗ trợ giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật.



C. NỘI DUNG

Nội dung 1

HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Hoạt động 1: Tìm hiểu về các dạng khuyết tật ở học sinh THPT.

1. Nhiệm vụ

Bạn hãy thống kê các dạng khuyết tật của học sinh THPT.

2. Thông tin phản hồi

- Học sinh THPT có thể mắc phải một số khiếm khuyết về:
 - + Cấu trúc của cơ thể: Thừa hoặc thiếu bộ phận nào đó của cơ thể. Ví dụ: Thiếu một tay, thừa 1 chân (3 chân), không có mắt, có cục u lớn ở lưng...
 - + Sự phát triển sai lệch về chức năng của các cơ quan trong cơ thể. Ví dụ: Có tay nhưng không cầm, nắm được hoặc có tai nhưng không nghe được âm thanh ở tần số bình thường hoặc có não bộ nhưng năng lực tư duy rất hạn chế, dưới mức bình thường...
 - + Sự phát triển sai lệch về hành vi. Ví dụ: Thích đánh, cấu chí người khác, không muốn giao tiếp với bất cứ ai, luôn có những cử chỉ, điệu bộ bất thường, lệch chuẩn...
 - + Phối hợp của 2 hay cả 3 yếu tố vừa nêu trên. Ví dụ: Mắt nhìn kém và không có chân hoặc chân cử động khó khăn, tai nghe kém và nhận thức rất chậm...

- Dựa vào các khiếm khuyết hoặc sai lệch về chức năng của nhận thức, của một hoặc nhiều giác quan, của một hoặc nhiều cơ quan vận động hay của hành vi có thể chia thành các nhóm khuyết tật chính mà học sinh THPT thường mắc phải như sau:

- + Khuyết tật trí tuệ.
- + Khuyết tật thị giác (khiếm thị).
- + Khuyết tật thính giác (khiếm thính).
- + Khuyết tật vận động.
- + Khuyết tật ngôn ngữ.
- + Khuyết tật khác (tim bẩm sinh, mất cảm giác, tự kỉ...).
- + Đa tật (có từ 2 khuyết tật trở lên).

Một số dạng khuyết tật có thể nhận biết ngay được chỉ thông qua quan sát. Một số dạng khuyết tật khác cần phải có quá trình quan sát lâu dài, tỉ mỉ, kết hợp với đánh giá bằng các công cụ chuyên dùng thì mới có thể xác định được. Việc xác định đúng dạng khuyết tật mà học sinh mắc phải rất quan trọng trong tổ chức giáo dục, dạy học và hỗ trợ học sinh trong các hoạt động, sinh hoạt. Không nên chỉ dựa vào một hai biểu hiện bên ngoài để đánh giá và xếp loại khuyết tật của học sinh. Trường hợp rất hay gặp là học sinh có khuyết tật này nhưng lại bị xếp vào dạng khuyết tật khác. Ví dụ: Học sinh khiếm thính mức độ nhẹ lúc nghe được, lúc không, do đó không hiểu được người khác nói hoặc học sinh khiếm thị do nhìn lúc thấy lúc không nên không hiểu và bị xếp vào dạng có khuyết tật trí tuệ. Do đó, khi nhận thấy các biểu hiện bất thường của học sinh thì cần phải cẩn thận cho học sinh đi khám y tế và quan sát trong thời gian dài để xác định đúng dạng cũng như mức độ khuyết tật của học sinh.

Hoạt động 2: Thống kê một số quan niệm và khái niệm thường gặp khi nói về học sinh khuyết tật.

1. Nhiệm vụ

Bạn hãy nêu một số quan niệm và khái niệm thường gặp khi nói về học sinh khuyết tật.

2. Thông tin phản hồi

* Quan niệm:

- Học sinh bị khuyết tật là do quỹ dữ nhập vào hoặc vì bản thân hay có ai đó trong gia đình thuộc các thế hệ trước hoặc hiện tại mắc tội nên bị (thánh, thần, trời...) trừng phạt... vì vậy học sinh phải tự chịu trách nhiệm để gánh hình phạt đó hoặc bị loại ra khỏi cộng đồng.
- Quan niệm học sinh khuyết tật là người không còn năng lực nên trở thành gánh nặng cho gia đình, xã hội, là kẻ ăn bám, là “Máy ăn vô dụng”... Theo quan niệm này thì học sinh khuyết tật không cần và không nên đi học mà chỉ cần cho ăn đủ sống hoặc bỏ mặc cho số phận.
- Học sinh khuyết tật rất đáng thương, là người gánh tất cả vận hạn cho mọi người trong gia đình nên tất cả mọi người cần có trách nhiệm chăm lo, bù đắp đặc biệt và làm hộ mọi việc... Theo đó, học sinh khuyết tật không cần phải học hoặc làm bất cứ việc gì. Mọi hoạt động, sinh hoạt những người xung quanh phải có trách nhiệm lo cho học sinh khuyết tật một cách đầy đủ.
- Học sinh khuyết tật là người bệnh nên trước hết cần chữa trị y tế đến mức tối đa, khi không thể chữa trị được thì phải chịu. Khi quá tập trung vào chữa trị y tế mà bỏ bê công tác giáo dục thì sẽ dẫn đến hậu quả nghiêm trọng trong sự phát triển của học sinh. Rất dễ hình dung nếu thực hiện chữa trị 5 – 10 năm nhưng không có chuyển biến mới nghĩ tới giáo dục thì đã quá muộn, thời gian của học sinh đã trôi đi một cách vô ích và học sinh sẽ khó học cùng các em có chênh lệch lớn về tuổi cũng như mức độ phát triển tâm sinh lý.
- Học sinh khuyết tật cũng là thành viên như mọi người trong xã hội, mọi người ai cũng có những khó khăn nhất định nên cần phải tự mình vượt qua. Nếu không vượt qua được thì tự chịu. Quan điểm này không nhận thấy sự khác biệt cơ bản giữa khó khăn do khuyết tật (khó khăn nằm trong cá thể người) và các khó khăn do hoàn cảnh bên ngoài gây ra. Với quan điểm này thì học sinh khuyết tật sẽ không có trợ giúp để tham gia vào các hoạt động sinh hoạt, học tập và các hoạt động chung của xã hội mà phải tự tìm cách khắc phục. Tất nhiên, đa số học sinh có khuyết tật sẽ

không thể thực hiện được điều này và tương lai gần là bị loại ra khỏi các hoạt động của cộng đồng.

- Học sinh khuyết tật là một thành viên trong xã hội nên cần được hưởng những thành quả phát triển của xã hội, được hưởng quyền bình đẳng về chữa trị y tế, tham gia giáo dục và các hoạt động khác trong xã hội và được hỗ trợ khi cần thiết để phát triển tốt nhất năng lực, sống tự lập, hòa nhập cộng đồng. Đây là quan điểm nhân văn, hiện đại. Trong xã hội mọi người đều khác nhau và đều có những khó khăn nhất định. Tuy nhiên, khó khăn của mỗi người có khác nhau. Quan trọng là phải tạo điều kiện để tất cả các thành viên đều có cơ hội được tham gia mọi hoạt động, được hưởng mọi thành quả của xã hội và được phát triển tối đa năng lực bản thân nhằm cống hiến lại cho xã hội. Vì vậy học sinh khuyết tật là nhóm có khó khăn nhiều nhất trong tiếp cận các hoạt động, dịch vụ xã hội cần được quan tâm, hỗ trợ nhiều hơn để có thể đạt được công bằng về cơ hội phát triển năng lực bản thân và cống hiến.

* Khái niệm về học sinh khuyết tật:

- Các cách gọi tên dân dã, gán mác: ngu, đần, độn, đui, mù, què, thông minh, đần, ngọng, ngố...

Những khái niệm gán mác này chỉ dựa vào các khiếm khuyết mà học sinh mắc phải chưa chú trọng tới năng lực của mỗi cá nhân học sinh và là một trong những nguyên nhân làm tách học sinh khuyết tật ra khỏi tập thể, gây hiệu ứng tiêu cực cho cả học sinh khuyết tật và học sinh không có khuyết tật.

- Khái niệm nhân văn:

- + Theo pháp luật Việt Nam, học sinh THPT khi vào học lớp 10 có độ tuổi từ 15 – 17 tuổi. Như vậy khi học xong 3 năm THPT thì tuổi của học sinh sẽ là khoảng 18 – 20 tuổi. Theo đó, học sinh THPT có độ tuổi từ 15 đến 20. Trong những trường hợp đặc biệt, theo quy định của Luật Phổ cập giáo dục trung học thì học sinh là người khuyết tật, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn có thể học muộn hơn tối đa tới 3 năm (bình thường học sinh học xong tiểu học là 11 tuổi nhưng trong phổ cập thì hoàn thành trước 15 tuổi). Như vậy, học sinh khuyết tật cấp THPT là học sinh có thể ở độ tuổi khoảng 15 đến 22 tuổi.

- + Học sinh khuyết tật bị hạn chế về cấu tạo hoặc sai lệch trong phát triển các chức năng hoặc hành vi nên cần được trợ giúp, can thiệp, phục hồi chức năng, phát triển kĩ năng đặc thù để có thể tham gia các hoạt động học tập và sinh hoạt cùng với các bạn và với cộng đồng.
- + Học sinh khuyết tật có những năng lực cá nhân cần được hỗ trợ, tạo điều kiện về phương pháp giáo dục, dạy học, các phương tiện phục vụ học tập, sinh hoạt và tham gia các hoạt động ngoài xã hội, được giáo dục trong môi trường thân thiện, phù hợp để phát triển hướng tới sống tự lập, hòa nhập cộng đồng.

Như vậy, học sinh khuyết tật cấp THPT là học sinh đang học THPT với độ tuổi từ 15 – 22 có khiếm khuyết về cấu tạo thể chất, phát triển sai lệch các chức năng của cơ thể hoặc hành vi mà hậu quả của nó/chúng làm ảnh hưởng tới các hoạt động sinh hoạt, học tập bình thường của học sinh để có thể hoàn thành chương trình THPT. Vì vậy học sinh khuyết tật cấp THPT cần được hỗ trợ và giáo dục trong môi trường thân thiện, phù hợp để có thể tham gia mọi hoạt động, sống tự lập, hòa nhập cộng đồng.

Như vậy, học sinh THPT có các dạng khuyết tật khác nhau sẽ được hiểu theo những khái niệm như sau:

- *Học sinh khiếm thị cấp THPT* là học sinh đang học THPT với độ tuổi từ 15 – 22, có khuyết tật về thị giác, sau khi đã có các phương tiện trợ giúp vẫn gặp khó khăn trong các hoạt động học tập và sinh hoạt cần sử dụng mắt.

Phụ thuộc vào sự ảnh hưởng của khuyết tật thị giác, trẻ khiếm thị được phân ra làm 2 loại là mù và nhìn kém:

- + Trẻ mù (được chia làm 2 mức độ):
 - Mù hoàn toàn: Thị lực = 0 vis, thị trường = 0° với cả hai mắt. Trẻ không còn cảm giác sáng tối.
 - Mù thực tế: Thị lực còn 0,005 đến 0,04 vis, thị trường còn nhỏ hơn 10° với mắt nhìn tốt hơn khi đã được các phương tiện trợ giúp.
- + Trẻ nhìn kém được chia làm 2 mức độ:
 - Nhìn quá kém: Thị lực còn từ 0,05 đến 0,08 vis; với mắt nhìn tốt hơn, khi đã có các phương tiện trợ giúp. Trẻ gặp rất nhiều khó khăn trong học tập khi sử dụng mắt và cần được giúp đỡ thường xuyên trong sinh hoạt và học tập.

- **Nhìn kém:** Thị lực còn từ 0,09 – 0,3 vis với mắt nhìn tốt hơn, khi đã có các phương tiện trợ giúp hoặc thị lực và thị trường giảm không nhiều nhưng do các nguyên nhân khác nhau như: giạt nhãn cầu, lác, mù màu... làm trẻ gặp khó khăn trong việc dùng mắt để hoạt động. Trẻ nhìn kém có khả năng tự phục vụ, ít cần sự giúp đỡ thường xuyên của mọi người, còn chủ động trong mọi hoạt động hằng ngày.
- **Học sinh khiếm thính cấp THPT** là học sinh đang học THPT với độ tuổi từ 15 – 22, bị mất hoặc suy giảm về sức nghe kéo theo những hạn chế về phát triển ngôn ngữ nói cũng như khả năng giao tiếp gây khó khăn cho học sinh trong các hoạt động học tập và sinh hoạt bình thường.

Căn cứ vào *khả năng nghe còn lại* được đo bằng âm thanh đơn trong giải tần từ 500 hz đến 4000 hz, tật khiếm thính được chia thành 4 mức độ sau:

Mức độ	Khả năng nghe
Mức 1: Điếc nhẹ (từ 20 – 40 dB)	Còn nghe được hầu hết những âm thanh nhưng không nghe được tiếng nói thầm.
Mức 2: Điếc vừa (từ 41 – 70 dB)	Có thể nghe được những âm thanh to, nghe được tiếng nói chuyện bình thường.
Mức 3: Điếc nặng (từ 71 – 90 dB)	Chỉ nghe được tiếng nói to, sát tai.
Mức 4: Điếc sâu (trên 90 dB)	Hầu như không nghe được trừ một số âm thanh thật to như tiếng sấm, tiếng trống to.

Học sinh bị khiếm thính ở mức độ 1 và 2 thường được gọi là học sinh **nghe kém**, ở mức độ 3 và 4 là học sinh **điếc**.

- **Học sinh khuyết tật trí tuệ cấp THPT** là học sinh đang học THPT với độ tuổi từ 15 – 22, có chức năng trí tuệ dưới mức trung bình và hạn chế về hai hoặc nhiều hơn những lĩnh vực hành vi thích ứng như: Giao tiếp, tự phục vụ, sống tại gia đình, xã hội, sử dụng các tiện ích công cộng, tự định hướng, kĩ năng học đường chức năng, giải trí, lao động, sức khỏe và an toàn.

Chức năng trí tuệ thường được đo bằng chỉ số IQ (Intelligence Quotient). Tuy nhiên, các tiêu chí xác định trí tuệ theo IQ vẫn có nhiều bất cập và

không bảo đảm độ tin cậy. Do đó để xác định học sinh có khuyết tật trí tuệ thì cần phải xem xét đồng thời cả các kĩ năng vừa nêu trên.

- *Học sinh khó khăn về học cấp THPT* là học sinh đang học THPT với độ tuổi từ 15 – 22, có khó khăn trong lĩnh hội kiến thức, kĩ năng của một hoặc một vài môn học cụ thể.

Một số học sinh có chỉ số trí tuệ IQ phát triển bình thường nhưng rất khó khăn trong việc học môn học cụ thể. Ví dụ một học sinh học rất tốt môn Ngữ văn và một số môn khác nhưng rất khó khăn khi học môn Toán hoặc ngược lại học rất tốt môn Toán nhưng rất khó khăn trong học môn Ngữ văn hay học sinh học môn Toán và môn Ngữ văn bình thường nhưng không sao lĩnh hội được kiến thức âm nhạc. Kết quả học kém không phải do học sinh lười hay bỏ học mà có cố gắng mấy cũng không thể học được. Rất nhiều học sinh trong nhóm này bị xếp nhầm vào nhóm học sinh khuyết tật trí tuệ.

- * Cho tới nay, Việt Nam vẫn chưa có tiêu chí chung để xác định và phân loại học sinh khuyết tật.

Hoạt động 3: Thảo luận về tính quy luật trong phát triển sinh lí của con người và ảnh hưởng của các dạng khuyết tật khác nhau đến sự phát triển sinh lí của học sinh khuyết tật THPT.

1. Nhiệm vụ

Bạn hãy trao đổi cùng đồng nghiệp về tính quy luật trong phát triển sinh lí của con người và ảnh hưởng của các dạng khuyết tật khác nhau đến sự phát triển sinh lí của học sinh khuyết tật.

2. Thông tin phản hồi

- Con người đều phát triển sinh lí theo quy luật chung. Dù có khuyết tật, các giai đoạn phát triển sinh học của người vẫn không thay đổi. Sau 15 tuổi thì học sinh khuyết tật THPT đã dậy thì giống như các bạn không có khuyết tật và những biểu hiện phát triển cơ thể của học sinh khuyết tật như nam sẽ có ria mép, vũ giọng, nữ thì ngực nhô cao... cũng tương tự như các bạn không có khuyết tật.
- Các dạng khuyết tật ở các mức độ khác nhau, có ảnh hưởng tiêu cực tới sự phát triển sinh lí của con người, trong đó có học sinh khuyết tật THPT. Tuy nhiên ảnh hưởng tiêu cực đó không phải là quy luật mà chủ yếu là